

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 2976 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 01/CV-HH ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hòa Hiệp về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy chế biến thuỷ sản, công suất 1.500 tấn/năm” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 814/TTr-STNMT ngày 22 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hòa Hiệp, địa chỉ tại số 118 - 120, ấp Hòa Thuận, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy chế biến thuỷ sản, công suất 700 tấn/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến thuỷ sản, công suất 700 tấn/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 118 - 120, ấp Hòa Thuận, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số: 1700463608, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13 tháng 3 năm 2019.

1.4. Mã số thuế: 1700463608.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thủy, hải sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:



- Phạm vi: Tổng diện tích mặt bằng của cơ sở là 28.672,5m². Trong đó, diện tích nhà xưởng là 5.032,5m², bao gồm các hạng mục công trình sau:

STT	Công trình	Diện tích (m ²)
A. HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH		
1	Phân xưởng 1	280
2	Phân xưởng 2	403,26
3	Phòng cấp đông + khu vực giải nhiệt	135
4	Phòng máy + kho lạnh + kho vật tư	110
5	Khu vực tiếp nhận nguyên liệu	175
6	Khu vực muối hang + kho đá vây	50
7	Khu vực xuất hàng	160
B. HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ		
1	Khu vực văn phòng	64
2	Khu vực nhà nghỉ công nhân nam + WC	44
3	Khu vực nhà nghỉ công nhân nữ + WC	50
4	Khu vực nhà ăn tập thể	42
5	Kho vật tư, nhà giặt	40
6	Khu vực chứa chất thải nguy hại	5
7	Khu vực thu gom phế phẩm	22
8	Khu vực chứa nước sạch	55
C. HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		
1	Hệ thống xử lý nước thải	468
D. HẠNG MỤC KHÁC		
2	Cây xanh + đường nội bộ	2.929,24
TỔNG		5.032,5

- Quy mô: Công suất hoạt động tối đa 700 tấn thành phẩm/năm, tương đương 1.500 tấn nguyên liệu/năm. Bao gồm các sản phẩm chính sau:

- + Mực nang sơ chế: Tối đa 195 tấn thành phẩm/năm (0,7 tấn thành phẩm/ngày; 16 thành phẩm/tấn/tháng);
- + Cá đục sơ chế: Tối đa 35 tấn thành phẩm/năm (0,3 tấn thành phẩm/ngày; 03 tấn thành phẩm/tháng);
- + Tôm thẻ sơ chế: Tối đa 240 tấn thành phẩm /năm (1,1 tấn thành phẩm/ngày; 20 tấn thành phẩm/tháng);
- + Mực ống sơ chế: Tối đa 230 tấn thành phẩm /năm (0,9 tấn thành phẩm/ngày; 19 tấn thành phẩm/tháng).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hòa Hiệp

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hòa Hiệp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28. tháng 11. năm 2023 đến ngày 28. tháng 11...năm 2033). Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 02/GXN-STNMT ngày 08/02/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH Hòa Hiệp;
- UBND huyện Châu Thành;
- LĐVP; P.KT, TT.PVHCC;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: VT, ptduy (10 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lâm Minh Thành

Thành

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 2976/GPMT-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Từ các công đoạn rửa nguyên liệu khi mới nhập về.
- Nguồn số 02: Từ công đoạn rửa bán thành phẩm khi chế biến như: rút ruột, bỏ gan, cắt đầu, vệ sinh nhà xưởng,...
- Nguồn số 03: Từ quá trình sinh hoạt của công nhân.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải phát sinh từ các nguồn tại nhà máy sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung được dẫn theo hệ thống các mương sinh học trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận là kênh nội đồng giáp nhà máy.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- + Tại kênh nội đồng giáp nhà máy.
- + Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}30'$, mũi chiếu 3°): X: 1097627, Y: 569769

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $100\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Dòng thải số 1 và số 2: Tối đa $88\text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Dòng thải số 3: Tối đa $12\text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản, $K_f = 1,1$ $K_q = 0,9$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối
2	BOD ₅	mg/L	49,5		
3	COD	mg/L	148,5		

4	TSS	mg/L	99		
5	Clo dư	mg/L	19,8		
6	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	59,4		
7	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/L	19,8		
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	19,8		
9	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	1,98		
10	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 ml	4.950		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải sản xuất (nguồn số 01 và 02): Nước thải sản xuất → hố ga → hệ thống thu gom nước thải sản xuất → bể thu gom → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt (nguồn số 03):

+ Nước thải sinh hoạt → bồn cầu, âu tiêu → bể tự hoại → bể thu gom → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Nước thải từ nhà ăn → bể tách dầu mỡ → hố ga thu gom → bể thu gom → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Công trình thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ → kênh nội đồng tiếp giáp nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 05 bể, dung tích mỗi bể $8,1\text{m}^3$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ:

- Số lượng: 05 bể, tổng dung tích thiết kế: 6m^3 .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải → bể thu gom → bể điều hòa → bể khí khí 1 → bể khí khí 2 → bể trung gian → bể hiếu khí → bể lắng → mương sinh học → khử trùng → nguồn tiếp nhận nước thải (kênh nội đồng tiếp giáp nhà máy). Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chê biển thủy sản – QCVN 11-MT:2015/BTNMT cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$ sẽ tự chảy ra kênh nội đồng tiếp giáp nhà máy.

- Công suất: $100m^3/ngày.đêm$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine 0,5 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải, ứng phó sự cố. Bố trí nhân viên vận hành các hệ thống xử lý nước thải và có nhật ký vận hành.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố cho các hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị của các hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án 03 tháng, sau 20 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $100m^3/ngày.đêm$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $100m^3/ngày.đêm$:

+ Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải (bể điều hòa): Lấy 01 lần.

+ Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải (tại mương sinh học trước khi chảy ra kênh nội đồng tiếp giáp nhà máy): Lấy 03 lần.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm, cụ thể như sau: trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3 Phần A Phụ lục này.



2.3. Tần suất lấy mẫu: thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hòa Hiệp phải lập kế hoạch vận hành thử nghiệm và kế hoạch quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để kiểm tra, giám sát theo quy định.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hòa Hiệp chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.



Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1976/GPMT-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Khu vực nhà xưởng;

Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Thuộc khuôn viên Nhà máy.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	75	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thiết kế các bộ phận giảm âm và thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trồng cây xanh để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm chống rung cho máy móc, thiết bị có công suất lớn để giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ

kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định./.



Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 29/UBND/GPMT-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang	Kg	02	Rắn	16 01 06
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt	Kg	05	Rắn	18 02 01
3	Mực in thải	Kg	01	Rắn	08 02 01
4	Dầu nhớt bôi trơn thải	Kg	02	Lỏng	17 06 02
Tổng		Kg/năm	10		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Thành phần	Đơn vị	Khối lượng
1	Phụ, phế phẩm từ hoạt động sản xuất (vỏ tôm, tạng mực, đầu cá,...)	Tấn/năm	800
2	Thùng carton thải, giấy thải, bao bì hư hỏng	Kg/tháng	10
3	Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải và bùn nạo vét cống rãnh, hố ga	Kg/tháng	500

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án khoảng 50 kg/ngày, tương đương với khoảng 1.500 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại



2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

- Thiết bị lưu chứa: các thiết bị lưu chứa chất thải phải đảm bảo các quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho/khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho: 03 m². Kho CTNH phải được dán nhãn cảnh báo CTNH. Trong kho bố trí các thùng chứa để phân loại thành phần CTNH riêng, có dán nhãn từng thiết bị lưu chứa.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Mặt sàn phải đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu trữ.

+ Kho chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thiết bị lưu chứa: Bố trí 1 thùng chứa rác dung tích 120 lít có nắp đậy tại cửa ra vào của dự án và 05 thùng loại 20 lít tại các vị trí sau: 01 thùng tại khu nhà làm việc; 02 thùng tại nhà xưởng 1; 02 thùng tại nhà xưởng 2.

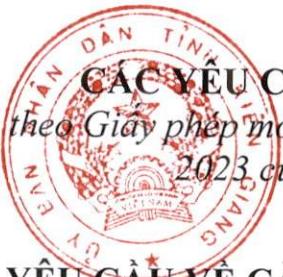
B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Kho chứa chất thải nguy hại tại cơ sở phải đảm bảo yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết môi số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường./.





Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19/UBND/GPMT-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không còn công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đề bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.